

GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THEO PHƯƠNG PHÁP TÍCH CỰC LẤY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM

Lê Thị Tuyết Mai¹

ABSTRACT

Teaching methodology plays an important role in enhancing the quality of language learning. Reforming the methods of teaching is required of every teacher. Several studies show that the learner-centered approach has its strong points in enhancing learners' autonomy and active attitude and improving their language skills. Though not a new method, this approach has been encouraged for use and actually used in schools and foreign language centers.

Keywords: *the Learner-Centered Approach, active attitude, collaboration, and autonomy*

Title: *Teaching English Using Active Methods - the Learner-Centered Approach*

TÓM TẮT

Phương pháp giảng dạy đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng học tập của người học. Người thầy giáo do đó cần luôn chú trọng cải tiến phương pháp giảng dạy phù hợp đối tượng học viên và đạt hiệu quả tốt. Phương pháp giảng dạy lấy người học là trung tâm qua một số nghiên cứu cho thấy có những ưu điểm phát huy được tính chủ động, tích cực của người học, giúp nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ. Phương pháp này, dù không phải là mới, đã và đang được khuyến khích và áp dụng ngày càng rộng rãi trong các trường học cũng như các trung tâm ngoại ngữ.

Từ khóa: *người học là trung tâm, giảng dạy và học tập tích cực, hợp tác, chủ động*

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đổi mới phương pháp dạy học là một trong những yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của nước nhà nói chung và Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) nói riêng. Cùng với việc đổi mới chương trình và phương tiện giảng dạy, cải tiến phương pháp giảng dạy là khâu then chốt quyết định chất lượng dạy và học trong nhà trường. Phương pháp giảng dạy tác động đến người học; đổi mới cách dạy để người học chủ động, tích cực hơn trong quá trình học tập là mục tiêu của người thầy hiện nay.

Trung tâm ngoại ngữ ĐHCT được thành lập hơn một thập niên, qua nhiều năm giảng dạy quy mô ngày càng mở rộng hiện nay có khoảng **3.000** học viên cho mỗi khóa, từ đó đặt ra yêu cầu cần phải nâng cao chất lượng dạy và học tại Trung tâm. Mục tiêu nghiên cứu nhằm nắm rõ hơn tình hình giảng dạy của giáo viên và việc đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ theo phương pháp tích cực-lấy người học làm trung tâm- tại các lớp Anh văn của Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Cần Thơ với các vấn đề chính sau:

- Giáo viên có áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực - lấy người học làm trung tâm không, và nếu có thì áp dụng như thế nào?
- Học viên có thái độ học tập như thế nào với các bài giảng theo phương pháp giảng dạy tích cực này? Nhận xét của học viên và giáo viên đối với bài giảng như thế nào?

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC LẤY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM

2.1 Định nghĩa

Khái niệm này đơn giản được hiểu là học viên và khả năng học của họ là trung tâm của tất cả công việc của giáo viên. Giáo viên chú trọng quá trình học hơn là nội dung, mà nội

¹ Trung Tâm Ngoại Ngữ

dung và người giáo viên cần thích nghi với người học, và trách nhiệm thuộc về người học hơn là thuộc về người dạy. Những trọng tâm của phương pháp giảng dạy tích cực này là chú ý đến nhu cầu thực sự của người học, trách nhiệm của người học tự đề ra mục đích học tập riêng của mình và các bước tiến để đạt đến mục tiêu đó, tính linh hoạt của nội dung và mục đích học tập, và sự tự đánh giá của người học đối với việc học của mình.

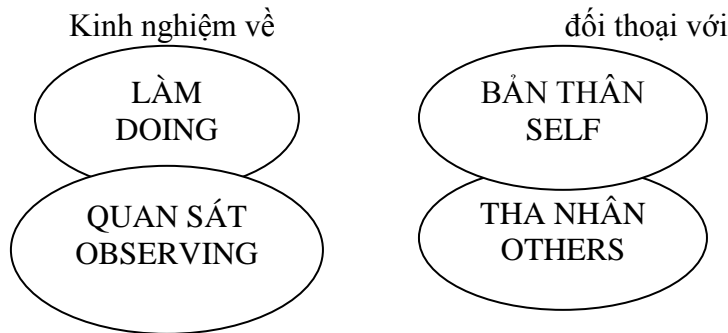
2.2 Đặc trưng

Để có thể tạo ra môi trường giảng dạy trong đó người học, học sinh là trung tâm, người thầy cần chú ý các đặc điểm sau:

2.2.1 Học tập tích cực (Active learning)

Tính tự chủ của người học cần được nâng cao, nghĩa là người học phải tích cực, chủ động trong qua trình học tập của mình, thay vì chỉ tiếp thu một cách thụ động kiến thức từ người thầy.

Phát huy tính tích cực học tập của người học là cần thiết, nhưng làm thế nào để có được những hoạt động tích cực có ý nghĩa là điều nhiều giáo viên quan tâm. Dee Fink (1999), đưa ra một mô hình giúp giáo viên hình dung được quá trình học tích cực và có ý nghĩa.



Hình 1: Mô hình học tập tích cực của Dee Fink (1999)

Khi học viên có cơ hội tích cực vận dụng ngôn ngữ để suy nghĩ, lắng nghe, quan sát, và thực hành một hành động trong một ngữ cảnh có ý nghĩa, để đạt một mục tiêu nhất định, thì học viên sẽ ghi nhớ những điều học hỏi được lâu hơn.

McKeachie trích dẫn sơ đồ học tập hình chóp từ Edgar Dale so sánh mức độ ghi nhớ của người học đối với hai thái độ học tập thụ động và chủ động như sau:

Sau 2 tuần chúng ta có khuynh hướng nhớ



Hình 2: Mô hình học tập hình chóp của Edgar Dale, theo McKeachie

Như vậy, người thầy giáo có thể thiết kế bài tập dựa theo mô hình trên nếu mục tiêu giảng dạy là làm cho học sinh chủ động, tích cực và tiếp thu bài học hiệu quả.

2.2.2. Học tập hợp tác

Hợp tác nghĩa là làm việc với nhau để hoàn thành mục tiêu chung. Trong các tình huống hợp tác, các cá nhân đều mong đạt được kết quả có lợi cho bản thân và cho tất cả các thành viên khác. Học tập hợp tác (Johnson, 1994) là yêu cầu học viên làm việc theo nhóm nhỏ để phát huy tối đa việc học tập của bản thân họ và của nhau.

Theo Johnson (1994), đã có nhiều nghiên cứu về tính hợp tác, thi đua, và cá nhân trong học tập. Các nghiên cứu cho thấy học tập hợp tác đạt được ba kết quả sau:

- Nỗ lực cao hơn để hoàn thành công việc: kết quả cũng như năng suất cao hơn, ghi nhớ lâu hơn, có động cơ thực sự, tập trung thời gian vào công việc, lý luận cao, và suy nghĩ có tính phê phán.
- Quan hệ giữa các học sinh tốt hơn: bao gồm tinh thần tập thể, quan hệ gắn bó, ủng hộ nhau trong quan hệ cá nhân và trong học tập.
- Sức khỏe tâm lý tốt hơn: gồm sự điều chỉnh về tâm lý, ưu điểm cá nhân, sự phát triển xã hội, khả năng giao tiếp xã hội, sự tự trọng, tự khẳng định, và khả năng ứng phó với sự đối kháng và áp lực.

Các nghiên cứu cũng cho thấy việc học tập hợp tác:

- Hỗ trợ việc học và thành tựu của học viên;
- Tăng khả năng ghi nhớ của học viên;
- Giúp học viên cảm thấy thỏa mãn hơn về kinh nghiệm học tập của mình;
- Giúp học viên phát triển kỹ giao tiếp nói và kỹ năng giao tiếp xã hội;
- Tăng tính tự trọng của học viên;
- Giúp tăng cường mối quan hệ thi đua tích cực.

Do đó, học tập hợp tác cũng là một bộ phận quan trọng của một lớp học trong đó người học đóng vai trò trung tâm.

2.3 Áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm

2.3.1 Nhiệm vụ của giáo viên

Theo Peirce (2003), Weimer đề nghị bảy nguyên tắc hướng dẫn giáo viên tạo ra một lớp học trong đó người học là trung tâm.

- Giáo viên thực hiện công việc về học tập ít hơn. Cho học sinh làm một số công việc như sắp xếp nội dung, đưa thí dụ, tóm tắt cuộc thảo luận, giải quyết vấn đề, vẽ đồ họa, biểu bảng ...
- Giáo viên ít trình bày hơn; học viên khám phá nhiều hơn.
- Giáo viên làm công việc thiết kế nhiều hơn.
- Giáo viên làm mẫu.
- Giáo viên tạo điều kiện cho học viên học tập với nhau và lẫn nhau.
- Giáo viên - đội ngũ giảng dạy- tạo ra một không khí học tập làm phát huy sự giao tiếp, tự chủ, và trách nhiệm.
- Giáo viên cho ý kiến phản hồi, đánh giá nhiều hơn.

Người thầy có thể có những hoạt động giảng dạy, biện pháp để tạo nên một môi trường học tập với người học là trọng tâm. Tuy nhiên, người thầy cũng cần phải xem xét tâm tư, thái độ của người học vì chính người học là chủ thể của quá trình dạy và học.

2.3.2. Phản ứng của người học

Người học được xem là trung tâm trong quá trình dạy và học có nhiều lợi ích cho người học. Tuy nhiên, không phải tất cả học sinh hay học viên đều thích phương pháp này.

Thực tế giảng dạy cho thấy học viên nhất là ở Việt Nam vốn quen thụ động trong suốt quá trình học phổ thông nên thậm chí khi vào đại học cũng vẫn còn thói quen học tập cũ. Khi người thầy áp dụng cách dạy mới này, nhiều học viên không hưởng ứng lắm. Dựa trên những nghiên cứu của mình, Weimer kể ra bốn nguyên nhân chính:

- Phương pháp lấy người học làm trung tâm yêu cầu người học phải làm việc nhiều hơn, thay vì người thầy phải làm một số công việc.
- Phương pháp này có vẻ **“đe dọa hơn”**. Người học nếu thiếu tự tin vào chính mình sẽ lo âu về việc phải chịu trách nhiệm về những quyết định có thể sai lầm của mình.
- Phương pháp này bao hàm những mất mát. Học viên khi được chuyển lên giai đoạn tự chủ và phát triển trí tuệ cao hơn sẽ cảm thấy mất mát một sự chắc chắn, an toàn và sự thoải mái mà sự chắc chắn đó mang lại. Học viên có thể cảm thấy hụt hẫng, không chỗ dựa vì phải dựa vào chính mình.
- Phương pháp này có thể vượt quá tầm của học viên. Một số học viên thiếu tự tin hay chưa đủ chín chắn về trí tuệ có thể không dám tự đảm nhận trách nhiệm về việc học tập của mình.

Weimer đề nghị các chiến lược để khắc phục điều này, chủ yếu là qua đối thoại với học viên về các chiến lược dạy học theo phương pháp lấy người học làm trung tâm để người học hiểu rõ và an tâm.

2.4 Kết luận

Phương pháp lấy người học là trung tâm có những ưu điểm so với phương pháp truyền thống với người thầy là chủ đạo đã và đang được sử dụng nhiều hơn. Có thể tóm tắt những nét cơ bản của phương pháp này như sau:

Bảng 3: Tóm tắt phương pháp lấy người học làm trung tâm

| Chương trình | Giáo viên | Học viên | Hoạt động |
|---|--|--|---|
| - Người học tham gia quyết định nội dung. - Xuất phát từ nhu cầu, mục tiêu, lợi ích, đặc điểm, điều kiện... của người học. - Xác định rõ vai trò của người thầy và trách nhiệm của người học. - Thiết lập chuẩn mực và cách tiến hành đánh giá qua đó người học tự đánh giá mình. - Thiết lập mẫu giao tiếp giữa người dạy và người học là hai chiều trong đó cả người thầy và người học cùng học với nhau. | - Có vai trò người hướng dẫn, làm mẫu, giúp đỡ: lắng nghe, quan sát, tạo điều kiện cho người học phát huy tính tự chủ, sáng tạo, tích cực, khám phá. - Không truyền thụ một chiều, không nói nhiều, trình bày tất cả kiến thức. - Thiết kế bài học để người học tham gia cấu tạo nội dung, chủ động sử dụng kiến thức, kỹ năng đã biết để tiếp thu cái mới. - Tạo điều kiện, yêu cầu học viên học tập hợp tác. - Sử dụng các phương tiện hỗ trợ để học viên quan sát, nghe nhìn để dễ tiếp thu và ghi nhớ bài học. - Tạo môi trường học tập trong đó người học có cơ hội thực hiện hành động trực tiếp hay gián tiếp. - Hướng dẫn học viên kỹ năng giao tiếp, xã hội, làm việc trong nhóm... | - Có mục tiêu, động cơ học tập rõ ràng. - Học tập tích cực, chủ động: quan sát, nghe, nhìn, nói, hành động. - Độc lập học tập, không dựa vào người thầy. - Hợp tác nhau trong học tập (theo đôi, nhóm). - Dựa vào kiến thức, kỹ năng đã biết để tìm hiểu, khám phá và sáng tạo. - Có trách nhiệm về việc học của mình. - Luôn tự đánh giá quá trình học của mình. - Chủ động giao tiếp với thầy, bạn. | Học viên: - Xem tranh ảnh, phim, TV. - Nghe thầy, bạn, người khác, băng đĩa, radio. - Quan sát bạn thực hiện một hành động. - Hoạt động theo đôi, nhóm. - Thực hiện một hành động liên quan đến chủ đề học: thảo luận, hoạch định, giải quyết vấn đề, đóng vai, phỏng vấn, diễn kịch, diễn thuyết, trình bày, làm thí nghiệm, nghiên cứu, làm đề án, viết nhật ký, viết thư từ, đi thực tế, tham gia trò chơi... |

Bảng tóm tắt trên đây chỉ đưa ra những điểm cơ bản nhất. Thực chất của phương pháp này là phục vụ cho mục tiêu đào tạo con người. Dựa trên những đặc điểm, điều kiện

riêng của cá nhân người học, người thầy sử dụng các biện pháp nhằm phát huy tốt nhất tính tự chủ, độc lập, tích cực của người học để đạt được mục tiêu cuối cùng của giáo dục là đào tạo người học trở thành hữu ích, có khả năng hoàn thành công việc mà xã hội cần đến.

3 ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính gồm 8 giáo viên của Trung tâm Ngoại ngữ đang giảng dạy các lớp Anh văn tại Trung tâm. Giáo viên có thể giảng dạy nhiều môn khác nhau, ở các lớp có trình độ khác nhau: trình độ A, B, C.

Đối tượng để giáo viên áp dụng phương pháp giảng dạy là học viên các lớp, do đó học viên cũng là một đối tượng quan trọng của đề tài nghiên cứu nhằm đánh giá phần nào hiệu quả của việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực của giáo viên.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Giáo viên đăng ký giờ dạy và sẽ được thu hình làm tư liệu phân tích bởi giáo viên khác hay nhóm nghiên cứu, và sẽ được sưu tập làm tư liệu về hoạt động giảng dạy của đơn vị.

Giáo viên điền vào bảng tự đánh giá, nhận xét về giờ dạy hay hoạt động để tìm hiểu mục tiêu của bài giảng, quá trình chuẩn bị, tiến trình của hoạt động...

Giáo viên phát cho học viên bảng câu hỏi lấy ý kiến nhận xét về giờ giảng, hoạt động vừa học để tìm hiểu thái độ của học viên và hiệu quả của hoạt động.

Giáo viên khác của Trung tâm hay nhóm nghiên cứu có nhận xét, góp ý để động viên hoặc cải tiến hoạt động giảng dạy của đối tượng nghiên cứu.

Phân tích một vài trường hợp thi nói của học viên và một số đề thi các môn đã tiến hành tại trung tâm để tìm hiểu sự liên quan giữa phương pháp giảng dạy tích cực và hình thức thi.

Phân tích các dữ liệu thu được để đánh giá và kết luận.

3.3 Thời gian

Thực hiện trong khoảng thời gian học phần hai của khóa 20 tại Trung tâm Ngoại ngữ, từ tháng 4.2004 đến tháng 6.2004. Tuy nhiên, có một vài giáo viên thực hiện sớm hơn, từ học phần trước, và một vài bài giảng được thu hình trong thời gian sau, vào tháng 9-10. 2004.

4 PHÂN TÍCH CÁC BÀI GIẢNG

4.1 Hoạt động lớp

Sau khi thu thập dữ liệu: đoạn băng thu hình giờ giảng của giáo viên, bản câu hỏi điều tra từ học viên, và bản tự phân tích giờ giảng của giáo viên, nhóm nghiên cứu phân tích và nhận xét về hoạt động giảng dạy. Các bài giảng ở các lớp A, B, C Anh văn về các môn Nghe, Nói, Đọc hiểu và Ngữ pháp. Các hoạt động lớp bao gồm: thảo luận đôi hoặc nhóm, trình bày trước lớp (miệng, máy chiếu OHP), trò chơi, tìm ý chính của bài đọc, phỏng vấn, hỏi đáp thu thập thông tin cá nhân hoặc về một nhân vật nổi tiếng, đọc bản tin, diễn một hoạt cảnh quảng cáo, tham gia hội chợ thương mại: tìm hiểu, trình bày về sản phẩm phát minh mới, trình bày cách nấu ăn, đóng vai theo tình huống gọi món ăn ở nhà hàng, thảo luận theo tranh ảnh hoặc bản đồ...

4.2 Ý kiến học viên

Theo kết quả tham khảo ý kiến, đa số nhận xét tốt và có thái độ thích thú đối với bài giảng. Tổng số học viên nhận bản câu hỏi là 165. Bảng câu hỏi gồm 5 câu:

- *Câu hỏi 1:* Hướng dẫn của giáo viên. Đa số học viên hiểu rõ yêu cầu của bài tập và thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên. 24/165 chọn mức 3, 50 chọn 4, và 87 chọn 5.
- *Câu hỏi 2:* Mức độ phát huy tính tích cực: 54/165 chọn 3, 59 chọn 4, và 40 chọn 5.
- *Câu hỏi 3:* Mức độ vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có: đa số học viên công nhận mức độ sử dụng kiến thức và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ đã có của mình khá cao: 51/165 chọn mức 3, 65 chọn 4, và 34 chọn 5.
- *Câu hỏi 4:* Mức độ tiếp thu, học hỏi thêm: 50 chọn 5, và 73/165 chọn 4.
- *Câu hỏi 5:* Đa số học viên cho biết họ thích hoạt động này (91/165 chọn 5, 50 chọn 4, 13 chọn 3).

Bảng 4: Bảng tổng kết bảng câu hỏi cho học viên

| | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | Mức độ 5 |
|-----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Câu hỏi 1 | 0/165 | 3/165 | 24/165 | 50/165 | 87/165 |
| Câu hỏi 2 | 3/165 | 8/165 | 54/165 | 59/165 | 40/165 |
| Câu hỏi 3 | 3/165 | 14/165 | 51/165 | 65/165 | 34/165 |
| Câu hỏi 4 | 0/165 | 11/165 | 27/165 | 73/165 | 50/165 |
| Câu hỏi 5 | 0/165 | 5/165 | 13/165 | 50/165 | 91/165 |

Mức độ ở từng lớp khác nhau đôi chút, và bảng câu hỏi dựa vào ý kiến chủ quan của người học. Tuy nhiên, ý kiến này cũng phản ánh phần nào suy nghĩ của người học, và thái độ học tập của người học cũng được nhận xét qua giáo viên và những hình ảnh ghi nhận được.

4.3 Nhận xét của giáo viên

- Học viên có tinh thần học tập tốt, tích cực tham gia bài học.
- Học viên dạn dĩ hoạt động tích cực hơn một số học viên có tính thâm lặng.
- Giáo viên có chú ý sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm.

4.4 Thể hiện

Tạo điều kiện cho học viên nói nhiều, hoạt động trong nhóm, không chỉ nghe, quan sát, mà còn trực tiếp tham gia hành động.

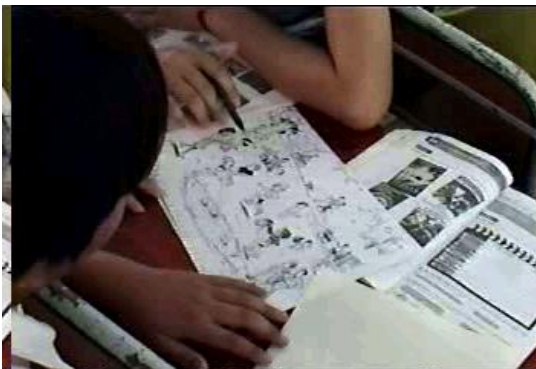
Phát huy tính tích cực chủ động của học viên. Học viên có dịp sử dụng kiến thức, kinh nghiệm bản thân, khả năng đã có tự quyết định nội dung và hành động.

Chú trọng quyền lợi học viên, giúp học viên trau dồi tiếng Anh vì lợi ích sau này.

Tạo sự hứng thú trong học tập qua các hoạt động sinh động để đạt hiệu quả tốt.

Sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy: bài phát ra (handout), hình ảnh, máy chiếu (OHP, LCD), TV... ngoài máy hát băng, đĩa thường dùng.

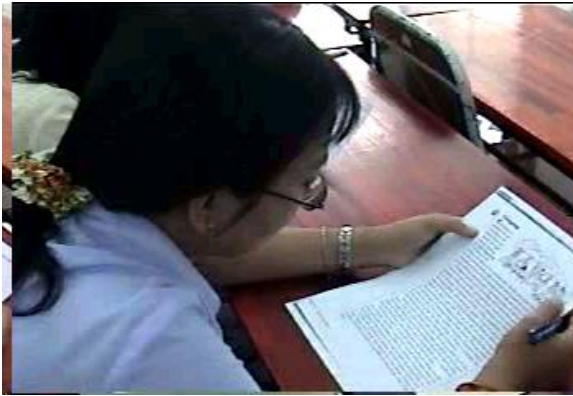
Một số hình ảnh minh họa các bài giảng



Hình 1: Lớp A, A vacation- thảo luận nhóm



Hình 2: Lớp A, Famous People, phỏng vấn



Hình 3: Lớp A, tìm ý chính



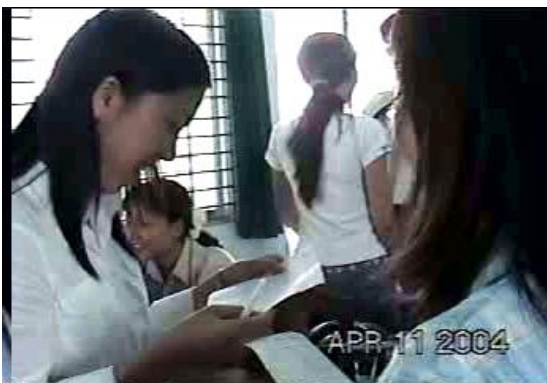
Hình 4: Lớp B, Trò chơi về ngữ pháp



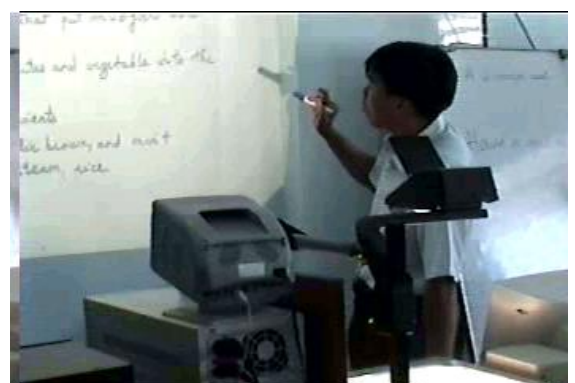
Hình 5: Lớp B, trao đổi thông tin



Hình 6: Lớp B, Tình huống trong nhà hàng



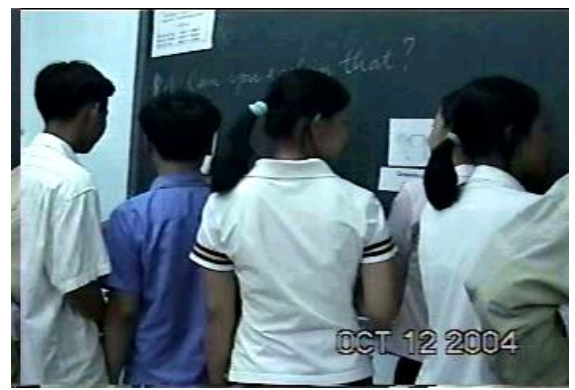
Hình 7: Lớp B, Trao đổi thông tin, phỏng vấn



Hình 8: Lớp B, trình bày công thức nấu ăn



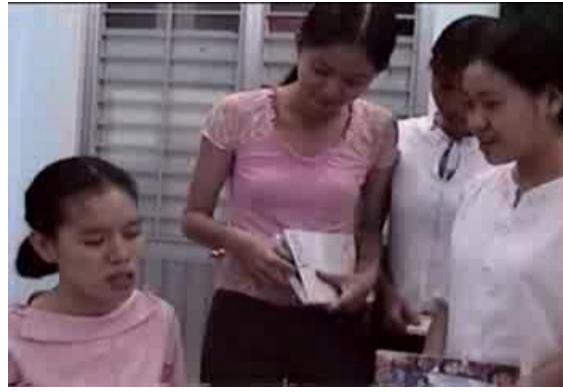
Hình 9: Lớp C, phát minh mới



Hình 10: Lớp C, Hội chợ Khoa học kỹ thuật



Hình 11: Lớp C, News



Hình 12: Lớp C, Quảng cáo

5 PHÂN TÍCH BÀI THI

Các kỳ thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia trình độ A, B, C tại Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Cần Thơ bao gồm năm môn thi: Nghe, Nói, Đọc hiểu, Viết, và Ngữ pháp.

5.1 Thi Nói

Các câu hỏi thi nói không được thông báo trước cho thí sinh chuẩn bị. Thí sinh phải chủ động sử dụng kiến thức, kỹ năng cần thiết để trình bày, trả lời câu hỏi.

Nội dung trả lời cũng do tự thí sinh quyết định, không dựa vào việc học thuộc đáp án giáo viên cho sẵn hay đã chuẩn bị trước ở nhà và trả lời thuộc lòng.

5.2 Các môn thi khác

Bài thi cũng không dựa vào việc học vẹt, thí sinh phải thực sự sử dụng kỹ năng, kiến thức của mình.

Về nội dung, bài thi thường dựa vào các đề tài đã học, hoặc sử dụng lại bài đã học nhưng dưới dạng câu hỏi khác.

6 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6.1 Kết luận

Ở Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Cần Thơ, việc giảng dạy Anh văn có ít nhiều chú ý đến việc áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm; ít nhất qua quan sát, phân tích một số bài giảng do giáo viên của Trung tâm Ngoại ngữ đảm nhiệm.

Tuy ngoài phạm vi nghiên cứu, giáo viên cũng thường sử dụng các hoạt động tương tự để phát huy tính tích cực, chủ động học tập của học viên, kết quả của bài nghiên cứu này chưa thể khái quát chung đối với toàn thể giáo viên đang giảng dạy Anh văn tại trung tâm.

6.2 Kiến nghị

6.2.1 Về giảng dạy

- Giáo viên cần luôn quan tâm đến điều kiện của học viên, đầu tư suy nghĩ và công sức chuẩn bị bài giảng, sáng tạo, linh động, luôn tìm biện pháp, thủ thuật, hoạt động thích hợp để đạt kết quả tốt.
- Phương tiện hỗ trợ giảng dạy đã có cần được duy trì và tăng cường, cải tiến để phục vụ tốt hơn cho việc dạy và học.
- Hình thức, nội dung thi cần tương thích với nội dung chương trình học, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, đánh giá được kỹ năng thực sự của thí sinh, không chỉ kiểm tra kiến thức đã được học thuộc lòng.

6.2.2 Về nghiên cứu khoa học

Mặc dù phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm không xa lạ lắm và đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến nhiều lãnh vực giảng dạy và học tập theo phương hướng này. Phương pháp này hiện nay vẫn còn được tranh luận khá nhiều. Cần có những đề tài nghiên cứu sâu hơn hay có liên quan có thể được thực hiện trong tương lai về phương pháp giảng dạy này.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin cảm tạ các tác giả của các bài viết về các ý kiến, kinh nghiệm mà chúng tôi đã trích dẫn và làm cơ sở lý luận cho bài báo này.

Chúng tôi cũng chân thành ghi nhận những đóng góp của các giáo viên đã thực hiện bài giảng, và ý kiến nhận xét của các học viên là tư liệu quý giá cho bài nghiên cứu của chúng tôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Fink, Dee L. Active Learning. (Reprinted with permission of Oklahoma Instructional Developmental Program, July 19, 1999). 1999.
- Haugen, L. Teaching Tips: Learning-Centered Syllabi Workshop (April 22 & April 29). <http://www.cte.iastate.edu/tips/syllabi.html>. 1998.
- Huerta-Macias, Ana. Current Terms in Adult ESL Literacy. ERIC Digest. National Clearinghouse on Literacy Education Washington DC., Adjunct ERIC Clearinghouse on Literacy Education for Limited-English-Proficient Adults Washington DC. 1993.
- Johnson, D.W., et al. The Nuts and Bolts of Cooperative Learning. Minnesota: Interaction Book Company. 1994.
- McCombs, Barbara L. Learner-centered psychological principles: A framework for technology evaluation. Invited paper presented at the US Department of Education's Regional Conferences on 'Evaluating technology in Education,' Atlanta. 2000.
- McCombs, Barbara L. The Learner-Centered Framework on Teaching and Learning As a Foundation for Electronically Networked Communities and Cultures. 1997.
- Mckeachie, W.J. Active Learning. http://hydro4.sci.fau.edu/~jjordan/active_learning.htm
- Merlin, Arthur. Learner-Centered Versus Teacher-Centered. Module 2: Adult Learning Theory. <http://arthur.merlin.mb.ca/~alce/Mod2.htm>
- Nunan, D. The learner-centered curriculum. New York: Cambridge University Press. 1988.
- Peirce, B. Review of Learner-Centered Teaching by Maryllen Weimer. <http://academic.pg.cc.md.us/~wpeirce/MCCCTR/weimer.htm>